

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2021/DS-PT

Ngày: 28-10-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Minh Tuấn

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1975 (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị D và Ông Nguyễn Văn Đ.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Vào ngày 08/01/2019, bà Trần Thị D cư trú tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Long An vay bà Phạm Thị P số tiền là 5.000.000 đồng hẹn sau 03 tháng sẽ trả. Sau đó vào ngày 14/02/2019 bà D tiếp tục vay số tiền là 7.000.000 đồng hẹn 06 tháng trả. Khi vay tiền thì bà D có ký tên và viết họ tên trong hai giấy biên nhận nợ.

Khi đến hạn, bà P yêu cầu bà D trả 02 khoản tiền vay, nhưng bà D không trả và cho rằng không có thiếu nợ. Bà P yêu cầu bà D và ông Đ trả số tiền của 02 lần vay là 12.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của Nhà nước từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà P trình bày là không đúng, bà D không có vay tiền của bà P và không có ký tên trong 02 biên nhận ngày 08/01/2019 và biên nhận ngày 14/02/2019. Hiện nay bà D chỉ có còn thiếu bà P 4 phần hai (mỗi phần là 1.000.000 đồng) mà các phần hai này chưa mất nên khi đến hạn bà D sẽ đóng hai cho bà P.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Đ xác định rằng việc vay mượn tiền giữa bà Phạm Thị P và vợ ông là bà Trần Thị D thì ông Đ không biết nên ông Đ không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà P và cũng không đồng ý ký tên vào bất cứ lại giấy tờ nào của Tòa án tổng đạt cho ông.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, 357, 463, 464, và Điều 466, 468 khoản Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị D liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền gốc và lãi là 14.020.219 đồng. Trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.020.219 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị D có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền 4.200.000 đồng tiền giám định chữ ký của bà P đã nộp.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị D phải chịu 701.010 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Bà Phạm Thị P không phải chịu án phí nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001324 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 21/5/2021, bị đơn bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ liên đới.

Đồng thời, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 180/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/5/2021 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DSST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần nghĩa vụ liên đới, phần tính lãi suất và năm sinh của bà Trần Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không xuất trình, giao nộp bổ sung chứng cứ nào mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút một phần kháng nghị về nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông Đ với bà D và vẫn giữ quan điểm kháng nghị đối với phần tính lãi, về lỗi chính tả như nội dung Quyết định kháng nghị số 180/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa thì có căn cứ xác định bà D có nợ bà P số tiền 12.000.000 đồng. Ông Đ với bà D là vợ chồng, đang sống chung nhà, cùng lao động tạo ra thu nhập và có đóng góp chung vào chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình, nên ông Đ phải có nghĩa vụ tài sản chung với bà D đối với bà P. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà P là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi chưa chính xác và có sai sót về lỗi chính tả trong Bản án sơ thẩm.

Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần kháng nghị về lãi suất và lỗi chính tả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn Đ làm đúng thủ tục và nộp trong thời hạn luật định, nên vụ án được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn Đ liên đới trả số tiền nợ vay 12.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút một phần kháng nghị về nghĩa vụ liên đới của ông Đ với bà D, nên căn cứ khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

[4] Xét kháng cáo của bà D về nghĩa vụ trả nợ vay: Bà D không thừa nhận có vay tiền của bà P và cũng không thừa nhận có ký, viết tên: “Trần Thị D” dưới mục “Đại diện bên B” trên 02 giấy Biên nhận ngày 08/01/2019 và 14/02/2019, nhưng theo Kết luận giám định số 1802/CO9B ngày 31/03/2021 của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở khẳng định chữ viết, chữ ký tên “Trần Thị D” là của bà D ký, viết ra nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà D có vay của bà P số tiền là 12.000.0000 đồng là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của ông Đ về nghĩa vụ liên đới: Ông Đ và bà D là vợ chồng; có đăng ký kết hôn và sống chung nhà với nhau từ khi xác lập quan hệ vợ chồng cho đến nay; cùng lao động tạo ra thu nhập và có đóng góp chung vào chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình, nên ông Đ P có nghĩa vụ tài sản chung với bà D đối người khác. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ có nghĩa vụ liên đới với bà D trả nợ cho bà P là có căn cứ.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về phần lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi của 02 khoản vay là chưa chính xác và có lợi cho bị đơn, nhưng nguyên đơn không kháng cáo phần này và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi, nên cần giữ nguyên phần lãi suất như Tòa án cấp sơ thẩm đã xử. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm có sai sót về năm sinh của bà D và lỗi rõ ràng về chính tả nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[7] Từ phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của các bị đơn là không có cơ sở chấp nhận; một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh về lãi suất là có căn cứ. Bị đơn P chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D, ông Nguyễn Văn Đ.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, Điều 148, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đối với bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị P số tiền gốc và lãi tổng cộng là 14.020.219 đồng. Trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.020.219 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên P thi hành án còn P chịu khoản tiền lãi của số tiền còn P thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Phạm Thị P số tiền 4.200.000 đồng chi phí giám định chữ ký mà bà P đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị D phải liên đới nộp 701.010 đồng án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị D mỗi người P nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các Biên lai thu số 0004798 ngày 21/5/2021; 0004799 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí phúc thẩm.

Bà Phạm Thị P không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001324 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THANDS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn/TiếnĐức (10b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương